

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LẠNG SƠN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2026/DS-PT
Ngày 23-6-2026
V/v Tranh chấp quyền sử dụng
đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Thùy

Các Thẩm phán: Ông Lộc Sơn Thái

Bà Lương Thị Nguyệt

- Thư ký phiên tòa: Bà Lương Thị Phương Chi, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh
Lạng Sơn

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn tham gia phiên tòa: Bà
Hoàng Thị Ngân, Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Lạng Sơn xét xử
phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 09/2026/TLPT-DS ngày 06 tháng 4 năm
2026 về việc Tranh chấp quyền sử dụng đất, yêu cầu di dời tài sản trên đất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 20 tháng 01 năm 2026
của Tòa án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn, bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 23/2026/QĐ-PT, ngày
21 tháng 4 năm 2026; Thông báo thay đổi thời gian mở phiên tòa số 22/TB-TDS,
ngày 12 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 50/2026/QĐ-PT, ngày
21 tháng 5 năm 2026; Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2026/QĐ-PT, ngày 01 tháng
6 năm 2026; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông Hoàng Văn T1; sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn C, xã Q,
tỉnh Lạng Sơn; căn cước công dân (viết tắt là CCCD) số 020067000***; có mặt.

- *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn K1, sinh năm 1989; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh
Lạng Sơn; CCCD số 020089001***; có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền của cho anh Hoàng Văn K1:

1. Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1960; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng
Sơn; CCCD số 020060005*** (đại diện theo văn bản ủy quyền ngày 26-3-2025);
có mặt.

2. Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; CCCD số 020161006*** Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 17-7-2021 (văn bản ủy quyền lập ngày 26-3-2025); có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân (UBND) xã Q, tỉnh Lạng Sơn. *Người đại diện theo ủy quyền:* Ông Nguyễn Hữu T, Chuyên viên phòng kinh tế (văn bản ủy quyền ngày 21-8-2025), vắng mặt.

2. Bà Chu Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; CCCD số 020172007*** Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 12-9-2021; có mặt.

3. Anh Hoàng Văn C, sinh năm 1993; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; CCCD số 020093004***; vắng mặt.

4. Anh Hoàng Văn T3, sinh năm 1996; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; CCCD số 020096008*** Cục Cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội, Bộ Công an cấp ngày 12-7-2021; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền của anh Hoàng Văn C và anh Hoàng Văn T3: Ông Hoàng Văn T1, sinh năm 1967; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; CCCD số 020067000*** (văn bản uỷ quyền lập ngày 27-5-2026); có mặt.

5. Ông Hoàng Văn T2, sinh năm 1960, địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; CCCD số 020060005***; có mặt.

6. Bà Nguyễn Thị L; sinh năm 1961; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; CCCD số 020161006***; có mặt.

7. Chị Hoàng Thị V, sinh năm 1988; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

8. Anh Hoàng Văn K2, sinh năm 1991; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

9. Ông Hoàng Văn G và bà Bé Thị D; địa chỉ: Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; vắng mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị L

Viện kiểm sát kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo nội dung đơn khởi kiện và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28-7-2025 thể hiện tại trích đo số TĐ 58-2025 của Công ty Cổ phần trắc địa Bản đồ và Môi trường S- Chi nhánh L; nguyên đơn, bị đơn tranh chấp với nhau 19.128,7m² đất thuộc địa danh S, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn); thuộc một phần thửa đất số thửa 1146, tờ bản đồ số 2 bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T (nay là xã Q); đã được UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Hoàng Văn T1 vào ngày 18-8-2010; trên đất có các cây hồi với kích thước khác nhau do gia đình bị đơn Hoàng Văn K1 trồng và quản lý, sử dụng.

Theo nguyên đơn, ông Hoàng Văn T1 trình bày: Năm 1997 gia đình ông được UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn giao quản lý sử dụng 04 ha rừng thuộc lô số 638 địa danh S, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn). Ngày 18-8-2010, ông được UBND huyện Tràng Định cấp đổi từ bìa xanh sang Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (GCNQSDĐ) có số thửa 1146, tờ bản đồ số 2, diện tích 26.284 m² mang tên hộ ông Hoàng Văn T1.

Sau khi được giao đất, thời gian đầu gia đình ông trồng cây thạch được 01-02 năm; sau đó do neo người nên chưa canh tác, chưa trồng cây trên đất mà chỉ thỉnh thoảng lên kiểm tra. Năm 1998, bà Bé Thị D có nói cho ông biết việc ông Hoàng Văn T2 trồng hoi trên lô đất mà gia đình ông được Nhà nước giao; ông đã gặp và yêu cầu ông Hoàng Văn T2 nhổ cây nhưng ông Hoàng Văn T2 không nói gì; sau đó khoảng 02 năm khi cây hoi lớn ông mới phát hiện ông Hoàng Văn T2 không nhổ cây theo yêu cầu của ông nhưng vì nghĩ diện tích đất mà ông Hoàng Văn T2 trồng hoi (khoảng 60 cây hoi) không lớn nên ông không nhắc nữa và để cho số cây hoi đó được tồn tại nhưng ông nói rõ ông Hoàng Văn T2 không được trồng thêm cây nữa. Tuy nhiên, năm 2021 anh Hoàng Văn K1 (con trai của ông Hoàng Văn T2) tiếp tục phát và trồng hoi, ông đã nhắc không cho anh Hoàng Văn K1 trồng cây xuống đất của gia đình ông nhưng anh Hoàng Văn K1 không nghe mà vẫn tiếp tục trồng. Vì vậy, ông báo chính quyền địa phương hoà giải và khởi kiện tại Toà án yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích đất tranh chấp và buộc anh Hoàng Văn K1 di dời toàn bộ cây hoi trên đất.

Bị đơn anh Hoàng Văn K1 và người đại diện theo ủy quyền của bị đơn trình bày: Năm 1995 ông Hoàng Văn T2 và bà Nguyễn Thị L (bố mẹ của bị đơn) được Nhà nước giao 1,5 ha đất rừng thuộc lô số 648. Năm 1997 thực hiện chủ trương phủ xanh đất trống đồi núi trọc, gia đình anh nhận cây hoi về trồng trên diện tích đất mà gia đình đang quản lý và tiếp tục trồng dặm năm 2008.

Năm 2018 bị đơn trực tiếp quản lý, canh tác khu đất này; từ đó cho đến nay bị đơn quản lý, sử dụng liên tục; tiếp tục trồng dặm cây hoi vào năm 2018 và 2021. Hiện nay toàn bộ cây trồng trên diện tích đất mà nguyên đơn khởi kiện đều do gia đình bị đơn trồng. Quá trình quản lý, sử dụng và trồng cây trên đất từ năm 1997 đến năm 2023 mới phát sinh tranh chấp.

Gia đình bị đơn chưa được cấp GCNQSDĐ đối với diện tích đất đang tranh chấp, năm 2023 bị đơn mới biết diện tích đất mà gia đình bị đơn đang trồng hoi đã được cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn nhưng việc cấp GCNQSDĐ đối với thửa 1146 cho hộ ông Hoàng Văn T1 là cấp chồng lấn và thời điểm cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn thì trên đất đã có tài sản của gia đình bị đơn. Vì vậy, bị đơn Hoàng Văn K1 không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và có đơn phản tố yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 19.128,7m² cùng toàn bộ cây trồng trên đất. Yêu cầu phản tố của bị đơn đã được Toà án cấp sơ thẩm thụ lý ngày 29-8-2025.

Theo kết quả chồng ghép bản đồ và biên bản làm việc với Công ty Cổ phần trắc địa Bản đồ và Môi trường S- Chi nhánh L thể hiện:

- Diện tích 19.128,7m² đất thể hiện trên trích đo thuộc một phần thửa đất số thửa 1146, tờ bản đồ số 2; đã được UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Hoàng Văn T1 vào ngày 18-8-2010.

- Theo Bản đồ giao đất lâm nghiệp: Diện tích đất tranh chấp nêu trên thuộc một phần các Lô đất 638, 648, 647, 649 và một phần diện tích (907,7m²) không có thông tin số lô, số thửa.

Theo Công văn số 3540 ngày 28-8-2025 của Sở Nông nghiệp và Môi trường Lạng Sơn và Công văn 281 ngày 22-9-2025 của Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai khu vực T có nội dung: Thửa đất 638 đã giao cho ông Hoàng Văn T1; thửa đất 648 đã giao cho ông Hoàng Văn T2; hiện không tìm thấy hồ sơ giao quyền quản lý sử dụng rừng và đất trồng rừng đối với thửa đất số 638.

Sau khi có kết quả xem xét thẩm định và chồng ghép bản đồ, tại phiên hoà giải ngày 27-8-2025 và phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Văn T1 rút một phần yêu cầu khởi kiện đối với 15.160,7m² đất và yêu cầu di dời cây trên diện tích đất này; nguyên đơn chỉ yêu cầu quản lý, sử dụng 3.968m² đất có vị trí đỉnh thửa N8-N3-N7-N6-N9-A6-A7-A8 trên trích đo và yêu cầu bị đơn di dời toàn bộ cây trồng trên diện tích 3.968m² đất nói trên gồm 51 cây hồi đường kính gốc từ 02cm đến 20cm mà bị đơn anh Hoàng Văn K1 trồng và quản lý và sử dụng.

Ngày 10-11-2025, bị đơn Hoàng Văn K1 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố.

Ý kiến của người đại diện theo uỷ quyền của Ủy ban nhân dân xã Q, tỉnh Lạng Sơn:

Sổ Lâm bạ thể hiện năm 1997 gia đình ông Hoàng Văn T1 được Nhà nước giao lô đất số 638 diện tích 04 ha. Năm 2008, thực hiện dự án đo đạc bản đồ địa chính, cấp GCNQSDĐ lâm nghiệp, ông Hoàng Văn T1 tự nhận và kê khai hồ sơ cấp GCNQSDĐ lần đầu đối với thửa đất số 1146, tờ bản đồ số 02, diện tích 26.284m². Tuy nhiên, qua đối chiếu hồ sơ giao đất năm 1997 với bản đồ địa chính năm 2008 cho thấy vị trí lô 638 được giao cho ông Hoàng Văn T1 nằm ở phía bên dưới thửa đất số 1146 đã được cấp GCNQSDĐ cho ông Hoàng Văn T1.

Đối với hộ ông Hoàng Văn T2: Năm 1997 được Nhà nước giao lô đất số 648 diện tích 1,5 ha; năm 2008 được cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 1159, tờ bản đồ số 02, diện tích 21.082m².

Kết quả kiểm tra hồ sơ giao đất, hồ sơ cấp GCNQSDĐ, tham chiếu giữa bản đồ giao đất lâm nghiệp năm 1997 và Bản đồ địa chính năm 2008 cho thấy: Một phần diện tích thửa đất số 1146 đã cấp cho ông Hoàng Văn T1 thuộc một phần diện tích lô đất 648 đã được giao cho ông Hoàng Văn T2 từ năm 1997 và gia đình ông Hoàng Văn T2 đã quản lý, sử dụng, trồng cây hồi trên đất.

Tại Bản án số 01/2026/DS-ST ngày 20-01-2026 và Thông báo sửa chữa, bổ sung Bản án số 02/2026 ngày 25-02-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Lạng Sơn quyết định:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu quản lý và sử dụng 15.160,7 m² đất có địa danh là S, thuộc Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn và yêu cầu di dời 59 cây hồi trên đất nói trên (là hình vẽ nối các đỉnh thửa A1, N1, A9, N8, N3, N7, N6, N9, A5, A4, A3, N5, N4, A2 trên trích đo).

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Hoàng Văn K1 về việc yêu cầu được quản lý và sử dụng diện tích đất mà gia đình ông Hoàng Văn T2 được giao năm 1997 và yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 514031 mang tên hộ ông Hoàng Văn T1 đối với thửa đất số 1146, tờ bản đồ số 2, diện tích 26.248 m²; địa danh S, thôn T, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là xã Q, tỉnh Lạng Sơn); do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp ngày 18-8-2010.

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu quản lý và sử dụng 3.968,0m² có địa danh là S, thuộc Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; nằm trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số thửa là 1146; tờ bản đồ số 2; diện tích là 260284 m²; được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp cho hộ ông Hoàng Văn T1 ngày 18-8-2010 (là hình vẽ nối các đỉnh thửa N8, A8, A7, A6, N9, N6, N7, N3 trên trích đo)

4. Ông Hoàng Văn T1 có được sở hữu 03 cây hồi đường kính gốc từ 10cm đến 15cm; 05 cây hồi đường kính gốc từ 15cm đến 20cm trên diện tích 3.968,0m² và có trách nhiệm thanh toán cho ông Hoàng Văn T2 số tiền tương ứng với giá trị cây nêu trên là 13.863.000 đồng (*mười ba triệu, tám trăm sáu mươi ba nghìn*).

Ông Hoàng Văn T2 có trách nhiệm di dời 41 cây hồi đường kính gốc từ 02 đến 05 cm ra khỏi diện tích 3.968,0 m² nói trên.

5. Buộc ông Hoàng Văn K1 di dời 41 cây hồi, đường kính gốc từ 02 cm đến 05 cm và 02 cây hồi đường kính gốc từ 05 cm đến 10 cm.

Ngoài ra, cấp sơ thẩm còn Quyết định còn tuyên nghĩa vụ chi phí tố tụng, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định bà Nguyễn Thị L kháng cáo; Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị như sau:

Bà Nguyễn Thị L kháng cáo một phần Bản án: Bản án ghi sai sự có mặt của chị Hoàng Thị V tại phiên tòa, ghi sai tên bị đơn từ Hoàng Văn K1 thành Hoàng Văn K3; không đồng ý việc nguyên đơn được quản lý và sử dụng 3.968,0m² và buộc ông Hoàng Văn T2 di dời cây hồi khỏi diện tích đất đất này; trong diện tích đất nói trên có một phần diện tích (A6, N9, N6, N7) gia đình bị đơn không quản lý sử dụng mà là do vợ chồng ông Hoàng Văn G và bà Bé Thị D quản lý sử dụng; không đồng ý chịu chi phí tố tụng. Đề nghị giải quyết vụ án khách quan, đúng quy định pháp luật đất đai.

Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn kháng nghị đề nghị hủy bản án sơ thẩm vì vi phạm tố tụng và nội dung, cụ thể: Yêu cầu phản tố của bị đơn chưa rõ diện tích nhưng vẫn được thụ lý; phần quyết định đình chỉ yêu cầu khởi kiện, đình chỉ yêu cầu phản tố và tài sản trên đất chưa rõ ràng, thiếu thống nhất; có mâu thuẫn trong việc xác định người có nghĩa vụ di dời 41 cây hồi. Ngoài ra, cấp sơ thẩm chưa làm rõ tính hợp pháp của việc cấp GCNQSDĐ cho hộ ông Hoàng Văn T1 trong khi diện tích tranh chấp có phần chồng lấn với diện tích đất đã giao cho ông Hoàng Văn T2 từ năm 1997 và ông Hoàng Văn T1 được cấp GCNQSDĐ khi trên đất có tài sản của gia đình bị đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị đơn Hoàng Văn K1 và người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía bị đơn trình bày: Anh uỷ quyền cho bà Nguyễn Thị L kháng cáo Bản án sơ thẩm và nhất trí với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Năm 1995, khi giao đất giao rừng không giao tại thực địa mà chỉ giao trên hồ sơ giấy tờ. Gia đình bị đơn đã quản lý sử dụng ổn định diện tích đất tranh chấp từ năm 1995 đến năm 2023 mới phát sinh tranh chấp. Gia đình nguyên đơn không quản lý sử dụng đất tranh chấp, thời điểm nguyên đơn kê khai cấp GCNQSDĐ (năm 2008) thì thực tế diện tích đất tranh chấp đang do gia đình bị đơn quản lý sử dụng và trên đất có tài sản là cây hồi do gia đình bị đơn trồng; nên việc nguyên đơn được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 1146 là không phù hợp với quy định pháp luật. Vì vậy, bị đơn giữ nguyên nội dung kháng cáo; đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Nguyên đơn là ông Hoàng Văn T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan về phía nguyên đơn trình bày: Diện tích đất tranh chấp đã được Nhà nước giao cho gia đình nguyên đơn quản lý sử dụng từ năm 1995, đã được cấp sổ bìa xanh, sau đó được cấp đổi sang bìa đỏ (GCNQSDĐ). Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ bìa xanh, bìa đỏ mà nguyên đơn đã được cấp để bảo vệ quyền lợi cho nguyên đơn, công nhận nguyên đơn được quyền quản lý sử dụng đất tranh chấp như Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn thay đổi nội dung kháng nghị, cụ thể đề nghị sửa Bản án sơ thẩm và phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng và giải quyết vụ án cụ thể như sau:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án tại cấp phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Về việc giải quyết kháng cáo, kháng nghị:

Đối với kháng cáo của bà Nguyễn Thị L: Tòa án cấp sơ thẩm có sai sót khi xử lý đơn kháng cáo, không yêu cầu đương sự sửa đổi, bổ sung đơn kháng cáo để làm rõ tư cách tham gia tố tụng của người kháng cáo để từ đó xác định phạm vi kháng cáo. Tuy nhiên, vụ án có kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân

dân tỉnh Lạng Sơn nên toàn bộ Bản án sơ thẩm được xem xét lại theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

Về nguồn gốc đất tranh chấp: Nguyên đơn và bị đơn đều trình bày nguồn gốc 3.968m² đất tranh chấp là do Nhà nước giao đất giao rừng năm 1995. Căn cứ kết quả chồng ghép bản đồ xác định đất tranh chấp thuộc một phần lô 638 được giao cho ông Hoàng Văn T1. Tuy nhiên, về quá trình sử dụng đất: Nguyên đơn thừa nhận từ khi được giao đất giao rừng và sau khi được cấp GCNQSDĐ nguyên đơn chưa từng canh tác, trồng cây trên đất; toàn bộ cây trồng trên diện tích đất tranh chấp là của gia đình bị đơn; nguyên đơn biết việc bị đơn trồng cây trên đất tranh chấp từ năm 1998. Căn cứ kết quả thẩm định tại chỗ, xác định trên diện tích đất tranh chấp có các cây hồi đường kính khác nhau, trong đó có cây đường kính từ 15- 20cm của gia đình bị đơn trồng từ năm 2008. Như vậy, bị đơn có quá trình sử dụng đất tranh chấp từ 1998 đến nay. Thời điểm nguyên đơn được cấp GCNQSDĐ đối với thửa 1146, trên đất đã có cây trồng của gia đình bị đơn. Do đó việc cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn là không đảm bảo, không đúng đối tượng sử dụng đất.

Ngoài ra, qua việc hỏi và làm rõ tại phiên tòa phúc thẩm đã xác định phần đất hiện đang tranh chấp 3.968m² và diện tích đất mà nguyên đơn đã rút yêu cầu khởi kiện 15.160,7m² là liền thửa; còn phần diện tích đất nguyên đơn đang quản lý sử dụng trồng thạch có độ chênh lệch cao thấp so với diện tích đất tranh chấp.

Như vậy, mặc dù diện tích đất tranh chấp thuộc sổ bìa xanh, bìa đỏ của nguyên đơn nhưng bị đơn là người có quá trình quản lý, sử dụng đất lâu dài, có tứ cận giáp ranh rõ ràng, việc cấp GCNQSDĐ cho nguyên đơn khi có tài sản của bị đơn trên đất là không đảm bảo; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ sổ bìa xanh, căn cứ GCNQSDĐ cấp cho nguyên đơn để xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không đảm bảo, không xem xét, đánh giá toàn diện vụ án, vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn có một số vi phạm như sau: Tại mục 1 phần Quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu quản lý, sử dụng 15.160,7m² đất có địa danh là S, thuộc Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn nhưng không nêu diện tích đất này thuộc thửa đất, tờ bản đồ nào, vị trí đỉnh, điểm theo kết quả trích đo. Tại mục 2 phần Quyết định của Bản án sơ thẩm tuyên đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn đối với diện tích đất đã giao cho gia đình ông Hoàng Văn T2 năm 1997, là không rõ ràng và mâu thuẫn với thực tế vụ án. Bản án sơ thẩm chỉ áp dụng Luật Đất đai năm 2004 mà không áp dụng Luật Đất đai năm 2013 là thiếu sót.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 2 Điều 308, Điều 309 Bộ luật Tố tụng dân sự, chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn, chấp nhận một phần kháng cáo của bà Nguyễn Thị L; sửa bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 3.968m² thuộc một

phần thửa 1146, tờ bản đồ địa chính xã T; Huyện GCNQSDĐ đã cấp đổi với thửa 1146 tờ bản đồ số 2, Bản đồ địa chính xã T, mang tên hộ ông Hoàng Văn T1.

Đối với các nội dung vi phạm đã được nêu trong kháng nghị đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, sửa lại cho phù hợp pháp luật.

Về án phí phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo không phải chịu án phí phúc thẩm. Về án phí sơ thẩm: Do sửa bản án sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên nguyên đơn phải chịu án phí sơ thẩm và chi phí tố tụng theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Phiên toà vắng mặt anh Hoàng Văn T3 và anh Hoàng Văn C nhưng có mặt người đại diện theo uỷ quyền là ông Hoàng Văn T1; vắng mặt người đại diện hợp pháp của UBND xã Q, tỉnh Lạng Sơn nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; vắng mặt anh Hoàng Văn K2 và chị Hoàng Thị V không rõ lý do. Tuy nhiên, đây là phiên toà được triệu tập hợp lệ lần thứ 3, những người vắng mặt đều đã có lời khai tại cấp sơ thẩm. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 296 của Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có tên nói trên.

[2] Về quyền kháng cáo và phạm vi kháng cáo của bà Nguyễn Thị L: Bà Nguyễn Thị L tham gia tố tụng với 02 tư cách, vừa là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan và là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn. Sau khi xét xử sơ thẩm, trong thời hạn luật định, bà Nguyễn Thị L có đơn kháng cáo về quyền quản lý sử dụng đất tranh chấp và nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng, đây là những nội dung liên quan đến quyền và nghĩa vụ của bị đơn Hoàng Văn K1, nhưng Toà án cấp sơ thẩm không làm rõ việc bà Nguyễn Thị L kháng cáo Bản án sơ thẩm với tư cách là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan hay với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn để xác định đúng quyền và phạm vi kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Tại phiên toà phúc thẩm, bị đơn Hoàng Văn K1 và bà Nguyễn Thị L trình bày: Bà Nguyễn Thị L kháng cáo với tư cách là người đại diện theo uỷ quyền của bị đơn, anh Hoàng Văn K1 nhất trí với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị L. Mặt khác, vụ án còn có kháng nghị của Viện trưởng Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn đối với toàn bộ Bản án sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 20-01-2026 của Tòa án nhân dân khu vực 2- Lạng Sơn. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét, đánh giá lại toàn bộ Bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 293 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Đối với nội dung kháng cáo của bà Nguyễn Thị L về việc vắng mặt/có mặt chị Hoàng Thị V và việc ghi họ tên anh Hoàng Văn K1 thành Hoàng Văn K3 đã được Toà án cấp sơ thẩm đính chính tại Thông báo số 02/2026/TB-TA ngày 25-02-2026.

[4] Theo nội dung đơn khởi kiện và kết quả xem xét, thẩm định tại chỗ ngày 28-7-2025 thể hiện tại trích đo số TĐ 58-2025 của Công ty Cổ phần trắc địa Bản đồ và Môi trường S- Chi nhánh L; nguyên đơn, bị đơn tranh chấp với nhau 19.128,7m² đất thuộc địa danh S, Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn; thuộc một phần

thửa đất số thửa 1146, tờ bản đồ số 2; trên đất có các cây hồi với kích thước khác nhau do gia đình bị đơn Hoàng Văn K1 trồng. Ngày 29-8-2025, Tòa án cấp sơ thẩm thụ lý yêu cầu phản tố của bị đơn Hoàng Văn K1 về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng toàn bộ diện tích đất tranh chấp là 19.128,7m² cùng toàn bộ cây trồng trên diện tích đất nói trên và buộc nguyên đơn chấm dứt hành vi tranh chấp. Ngày 10-11-2025, bị đơn Hoàng Văn K1 có đơn xin rút toàn bộ yêu cầu phản tố. Tại phiên hoà giải ngày 27-8-2025 và phiên toà sơ thẩm, nguyên đơn ông Hoàng Văn T1 rút yêu cầu khởi kiện đối với 15.160,7m² đất và yêu cầu di dời cây trên diện tích đất này; nguyên đơn chỉ yêu cầu quản lý, sử dụng 3.968m² đất có vị trí đỉnh thửa N8-N3-N7-N6-N9-A6-A7-A8 trên trích đo và yêu cầu bị đơn di dời toàn bộ cây hồi do gia đình bị đơn Hoàng Văn K1 trồng trên diện tích 3.968m² đất nói trên. Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với 15.160,7m²; đình chỉ yêu cầu phản tố của bị đơn là có căn cứ. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không nêu cụ thể 15.160,7m² mà nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện thuộc thửa đất nào, tờ Bản đồ nào; không nêu cụ thể diện tích, số thửa, số Bản đồ và địa chỉ khu đất mà bị đơn rút yêu cầu phản tố. Vì vậy, cấp phúc thẩm cần sửa lại cho đảm bảo đúng quy định.

[5] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Như đã trình bày ở trên, diện tích đất tranh chấp còn lại nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là 3.968,0m² (là hình vẽ nối các đỉnh thửa N8-N3-N7-N6-N9-A6-A7-A8 trên trích đo) có địa danh là S, thuộc Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn. Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn, bị đơn đều trình bày được Nhà nước giao quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp nói trên từ năm 1995, khi đó trên đất chỉ có cây mọc tự nhiên. Tuy nhiên, qua kết quả xem xét thẩm định tại chỗ, chồng ghép bản đồ và thông tin trên sổ Lâm bạ thể hiện: 3.968,0m² đất tranh chấp nói trên thuộc một phần lô số 638 Bản đồ giao đất lâm nghiệp xã T (cũ) đã được giao cho hộ ông Hoàng Văn T1 vào năm 1994 và được cấp GCNQSDĐ vào năm 2010 với số thửa là 1146 mang tên hộ ông Hoàng Văn T1; trên đất có các cây hồi có đường kính gốc khác nhau do gia đình bị đơn trồng.

[6] Tuy nhiên, xét về quá trình quản lý sử dụng đất, nguyên đơn thừa nhận: Sau khi được giao đất, gia đình nguyên đơn trồng cây thạch được 01 đến 02 năm rồi bỏ không từ đó đến nay, nguyên đơn biết bố của bị đơn là ông Hoàng Văn T2 trồng cây hồi trên đất tranh chấp từ năm 1998, hiện nay toàn bộ cây hồi trên diện tích 19.128,7m² đất mà nguyên đơn khởi kiện đều là của gia đình bị đơn trồng; trên đất tranh chấp không có tài sản của nguyên đơn. Nguyên đơn cho rằng năm 1998, khi biết ông Hoàng Văn T2 trồng cây hồi trên thửa đất ông được giao, ông có yêu cầu ông Hoàng Văn T2 nhổ đi nhưng ngoài lời trình bày của mình, nguyên đơn không cung cấp được tài liệu chứng cứ chứng minh nội dung này.

[7] Tại phiên toà phúc thẩm, các đương sự đều thừa nhận: Phần diện tích đất mà nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện với phần diện tích nguyên đơn đang khởi kiện yêu cầu được quyền quản lý sử dụng là liền thửa, trên thực địa không phân biệt được ranh giới đường nối các điểm N3 đến N6. Ranh giới giữa diện tích đất tranh chấp với diện tích đất liền kề được phân định rõ ràng và nhận biết được bằng mắt thường trên thực tế; cụ thể: Ranh giới giữa diện tích đất tranh chấp với diện

tích đất mà gia đình ông Hoàng Văn G đang quản lý sử dụng (đường nối các điểm từ N8 đến N6) là khe đông; ranh giới giữa diện tích đất đang tranh chấp với phần đất mà nguyên đơn đang trồng thạch (đường nối các điểm A1 đến N8) có bờ cao thấp; ranh giới nối các điểm A1 đến B3 với thửa 1114 là khe nước tự nhiên. Ngoài việc tranh chấp giữa nguyên đơn với bị đơn đối với diện tích đất nói trên; các đương sự không tranh chấp với các chủ sử dụng đất liền kề.

[8] Bên cạnh đó, bị đơn khẳng định hiện gia đình bị đơn chỉ phát quang và trồng cây trên một phần diện tích đất đang tranh chấp, còn một phần do vợ chồng ông Hoàng Văn G và bà Bé Thị D quản lý sử dụng (N7, N6, N9, A6); phía bị đơn cũng thừa nhận đối với phần diện tích không tranh chấp (liền kề diện tích đất đang tranh chấp) ký hiệu 1146.2 trên trích đo, hiện gia đình bị đơn đang quản lý sử dụng một phần, phần diện tích còn lại do vợ chồng ông Hoàng Văn G quản lý sử dụng.

[9] Từ chính lời khai của các đương sự nói trên, Hội đồng xét xử thấy có cơ sở để khẳng định gia đình nguyên đơn không có quá trình quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp; thời điểm nguyên đơn kê khai đề cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 1146 (ngày 02-5-2008), trên đất tranh chấp đã có tài sản (cây hòe) của bị đơn. Mặc dù được giao đất, được cấp GCNQSDĐ nhưng nguyên đơn không biết được vị trí, ranh giới thửa đất của mình; điều này được nguyên đơn thừa nhận khi chính quyền địa phương tiến hành hoà giải việc tranh chấp đất. Trong khi bị đơn đã có quá trình quản lý, sử dụng công khai liên tục, ổn định trong thời gian dài đối với diện tích đất tranh chấp và diện tích đất tranh chấp đã có ranh giới tứ cận rõ ràng để phân biệt với diện tích đất liền kề.

[10] Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ căn cứ vào việc nguyên đơn được giao đất, được cấp GCNQSDĐ, để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho nguyên đơn được quản lý, sử dụng đất tranh chấp là 3.968,0m² là vi phạm trong việc đánh giá chứng cứ. Do đó, kháng cáo của bà Nguyễn Thị L và kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn về nội dung này là có căn cứ nên được chấp nhận.

[11] Như đã phân tích ở trên, do nguyên đơn không quản lý sử dụng diện tích đất tranh chấp; thời điểm nguyên đơn kê khai đề cấp GCNQSDĐ đối với thửa đất số 1146, trên đất tranh chấp đã có tài sản của bị đơn. Mặt khác, hiện nay thửa đất 1146 có nhiều cá nhân hộ gia đình đang quản lý sử dụng. Theo quy định tại khoản 1 Điều 34 của Bộ luật Tố tụng dân sự, khi giải quyết vụ án dân sự, Tòa án có quyền huỷ quyết định cá biệt trái pháp luật của Cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền nếu quyết định đó xâm phạm quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự trong vụ án dân sự mà Tòa án có nhiệm vụ giải quyết. Như vậy, việc xem xét huỷ quyết định cá biệt không phải là yêu cầu của đương sự nên không phụ thuộc vào việc đương sự có yêu cầu hay không có yêu cầu huỷ GCNQSDĐ. Vì vậy, có căn cứ để huỷ GCNQSDĐ mà UBND huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã cấp ngày 18-8-2010 đối với thửa 1146 mang tên hộ ông Hoàng Văn T1.

[12] Từ những phân tích đánh giá nêu trên, Hội đồng xét xử thấy có căn cứ sửa một phần Bản án sơ thẩm theo hướng: Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của

nguyên đơn về việc yêu cầu được quản lý, sử dụng diện tích 3.968m² thuộc một phần thửa 1146 và yêu cầu di dời tài sản trên đất. Hủy GCNQSDĐ đã cấp đối với thửa 1146 mang tên hộ ông Hoàng Văn T1.

[13] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không được chấp nhận và bị đơn đã rút toàn bộ yêu cầu phản tố nên việc phát sinh thêm người tham gia tố tụng là ông Hoàng Văn G và bà Bé Thị D đã được cấp phúc thẩm triệu tập tham gia phiên toà nhưng vắng mặt, cũng không làm thay đổi bản chất vụ án, không làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự.

[14] Về án phí phúc thẩm: Do sửa Bản án sơ thẩm nên người kháng cáo là bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí phúc thẩm; hoàn trả bà Nguyễn Thị L 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[15] Về án phí sơ thẩm và nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng: Do sửa Bản án sơ thẩm nên Hội đồng xét xử xác định lại nghĩa vụ chịu án phí sơ thẩm và nghĩa vụ chịu chi phí tố tụng theo quy định tại khoản 1 các Điều 147, 157 và 165 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Hoàng Văn T1 không được chấp nhận nên nguyên đơn phải chịu án phí dân sự không có giá ngạch, sung Ngân sách Nhà nước và chịu toàn bộ chi phí tố tụng bao gồm chi phí đo đạc, xem xét thẩm định và định giá tài sản với tổng số tiền là 32.100.000 đồng; xác nhận ông Hoàng Văn T1 đã nộp và chi trả toàn bộ chi phí tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

[16] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308; Điều 309; khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 148; khoản 1 Điều 157; khoản 1 Điều 165; khoản 2 Điều 296; Điều 434 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 3 Điều 49, Điều 50 Luật đất đai năm 2003; Điều 152, Điều 235, Điều 236 Luật Đất đai năm 2024.

Khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 2 Điều 27; khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị L;

Chấp nhận kháng nghị của Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Lạng Sơn;

Sửa một phần Bản án dân sự sơ thẩm số 01/2026/DS-ST ngày 20-01-2026 của Toà án nhân dân khu vực 2 - Lạng Sơn; cụ thể:

1. Đình chỉ giải quyết đối với yêu cầu phản tố của bị đơn Hoàng Văn K1 về việc: Yêu cầu được quản lý, sử dụng 19.128,7m² đất, thuộc một phần thửa đất số 1146, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T (cũ); địa chỉ: Thôn T,

xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn); đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 514031 ngày 18-8-2010, mang tên hộ ông Hoàng Văn T1; yêu cầu sở hữu toàn bộ cây hoi trên diện tích đất nói trên (là hình vẽ nổi các đỉnh thửa A1, A2, A3, A4, A5, A6, A7, A8, A9 trên trích đo kèm theo).

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

2. Đình chỉ giải quyết đối với một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Hoàng Văn T1 về việc: Yêu cầu quản lý, sử dụng 15.160,7m² đất, thuộc một phần thửa đất số 1146, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T (cũ); địa chỉ: Thôn Tàng C, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn); đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 514031 ngày 18-8-2010, mang tên hộ ông Hoàng Văn T1 và yêu cầu di dời toàn bộ cây hoi trên đất nói trên (là hình vẽ nổi các đỉnh thửa A1, N1, A9, N8, N3, N7, N6, N9, A5, A4, A3, N5, N4, A2 trên trích đo kèm theo).

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định của pháp luật.

3. Không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc: Yêu cầu quản lý, sử dụng 3.968,0m² thuộc một phần thửa đất số 1146, tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T (cũ); địa chỉ: Thôn Tàng C, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn); đã được Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 514031 ngày 18-8-2010, mang tên hộ ông Hoàng Văn T1 và yêu cầu bị đơn di dời toàn bộ cây hoi trên đất nói trên (là hình vẽ nổi các đỉnh thửa N8, N3, N7, N6, N9, A6, A7, A8 trên trích đo kèm theo).

4. Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ký hiệu BD 514031, số vào sổ cấp GCN: CH 00866; do Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Lạng Sơn đã cấp ngày 18-8-2010; đối với thửa đất số 1146 tờ bản đồ số 2, bản đồ địa chính đất lâm nghiệp xã T (cũ); địa chỉ: Thôn Tàng C, xã T, huyện T, tỉnh Lạng Sơn (nay là Thôn C, xã Q, tỉnh Lạng Sơn) mang tên hộ ông Hoàng Văn T1.

5. Về chi phí tố tụng: Nguyên đơn ông Hoàng Văn T1 phải chịu toàn bộ chi phí tố tụng bao gồm chi phí do đạc, thẩm định định giá tài sản; với tổng số tiền là 32.100.000 đồng (*ba mươi hai triệu một trăm nghìn đồng*). Xác nhận ông Hoàng Văn T1 đã nộp và chi trả toàn bộ số tiền nói trên trong quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm.

6. Về án phí sơ thẩm: Ông Hoàng Văn T1 phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, sung ngân sách Nhà nước; được trừ vào tiền tạm ứng án phí dân sự mà ông Hoàng Văn T1 đã nộp tại Thi hành án dân sự huyện T (nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực * – Lạng Sơn) theo biên lai số 0001936 ngày 18-3-2025.

7. Về án phí phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị L không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm, hoàn trả bà Nguyễn Thị L 300.000 (ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng

án phí dân sự phúc thẩm đã nộp tại thi hành án dân sự tỉnh Lạng Sơn, theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000425 ngày 09-3-2026.

8. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- VKSND tỉnh Lạng Sơn;
- TANDKV 2 - Lạng Sơn;
- VKSNDKV 2 - Lạng Sơn;
- Phòng THADSKV * - Lạng Sơn;
- THADS tỉnh Lạng Sơn;
- Đương sự;
-;
- Lưu: HS; Tòa DS; HCTP, KTNV&THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Minh Thùy